

Học phần: Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện

Nhóm: INT1418-01

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 31/5/2016

Giờ thi: 8h00

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10		20	60		
1	B12DCCN001	Đoàn Thị ái	D12HTTT1	10,0	7,0		7,0	4,0	5,5	
2	B12DCCN523	Phonesay Alounsavath	D12HTTT2	5,0	5,0		5,0	6,0	5,6	
3	B12DCCN104	Đặng Gia Cường	D12HTTT1	10,0	1,0		1,0	2,0	2,5	
4	B12DCCN156	Phạm Thị Diễm	D12HTTT2	10,0	6,0		6,0	5,0	5,8	
5	B12DCCN269	Lê Xuân Định	D12HTTT1	5,0	1,0		1,0	4,0	3,2	
6	B12DCCN010	Bùi Tiến Đồng	D12HTTT2	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
7	B12DCCN524	Lany Douangchanh	D12HTTT2	5,0	5,0		5,0	6,0	5,6	
8	B12DCCN157	Phạm Lê Đức	D12HTTT1	9,0	4,0		4,0	4,0	4,5	
9	B12DCCN309	Trần Tuấn Anh Đức	D12HTTT2	10,0	4,0		4,0	4,0	4,6	
10	B12DCCN368	Nguyễn Anh Dũng	D12HTTT2	10,0	3,0		3,0	5,0	4,9	
11	B12DCCN369	Bùi Trần Dương	D12HTTT2	10,0	3,0		3,0	5,0	4,9	
12	B12DCCN273	Mai Thị Thùy Dương	D12HTTT1	10,0	4,0		4,0	4,0	4,6	
13	B12DCCN109	Nguyễn Thùy Dương	D12HTTT1	10,0	10,0		10,0	9,0	9,4	
14	B12DCCN370	Lê Thị Thùy Duyên	D12HTTT1	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
15	B12DCCN015	Lê Thị Hương Giang	D12HTTT2	10,0	8,0		8,0	9,0	8,8	
16	B12DCCN217	Nguyễn Tất Giáp	D12HTTT2	6,0	4,0		4,0	6,0	5,4	
17	0921040191	Đặng Ngọc Hải	D12HTTT2	10,0	7,0		7,0	4,0	5,5	
18	B12DCCN219	Mạch Thị Hải	D12HTTT1	10,0	10,0		10,0	9,0	9,4	
19	B12DCCN163	Lê Thị Hằng	D12HTTT2	10,0	7,0		7,0	5,0	6,1	
20	B12DCCN373	Đào Xuân Hiệp	D12HTTT2	10,0	6,0		6,0	5,0	5,8	
21	B12DCCN375	Nguyễn Thế Hoàng Hiệp	D12HTTT1	9,0	4,0		4,0	5,0	5,1	
22	B12DCCN484	Nguyễn Thúy Hòa	D12HTTT2	10,0	4,0		4,0	5,0	5,2	
23	B12DCCN167	Lại Minh Hoàng	D12HTTT1	8,0	4,0		4,0	4,0	4,4	
24	B12DCCN320	Nguyễn Mạnh Hoàng	D12HTTT1	0,0	4,0		4,0	0,0	1,2	Không đủ ĐKDT
25	B12DCCN168	Nguyễn Văn Hoàng	D12HTTT2	7,0	3,0		3,0	4,0	4,0	
26	1021040429	Nguyễn Mạnh Hùng	D12HTTT1	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
27	N12DCCN064	Vũ Mạnh Hùng	D12HTTT2	10,0	4,0		4,0	4,0	4,6	
28	B12DCCN172	Nguyễn Thị Hương	D12HTTT2	10,0	9,0		9,0	5,0	6,7	
29	B12DCCN175	Phạm Lê Huy	D12HTTT1	7,0	2,0		2,0	4,0	3,7	
30	B12DCCN380	Đỗ Phúc Khang	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	6,0	7,3	
31	B12DCCN489	Phạm Anh Khoa	D12HTTT2	7,0	4,0		4,0	4,0	4,3	
32	B12DCCN068	Vũ Thị La	D12HTTT2	10,0	7,0		7,0	5,0	6,1	
33	B12DCCN231	Đỗ Đông Lộc	D12HTTT2	9,0	8,0		8,0	6,0	6,9	
34	B12DCCN446	Trần Duy Long	D12HTTT2	10,0	5,0		5,0	6,0	6,1	
35	B12DCCN525	Aphisay Malaymeuang	D12HTTT2	9,0	5,0		5,0	6,0	6,0	
36	B12DCCN284	Chư Nhật Minh	D12HTTT2	10,0	2,0		2,0	4,0	4,0	
37	B12DCCN336	Hoàng Quang Nam	D12HTTT1	10,0	1,0		1,0	4,0	3,7	
38	B12DCCN393	Đỗ Thị Thu Nga	D12HTTT1	10,0	6,0		6,0	5,0	5,8	
39	B12DCCN033	Nguyễn Thị Ngoan	D12HTTT2	10,0	10,0		10,0	4,0	6,4	
40	B12DCCN077	Nguyễn Thị Ngoan	D12HTTT1	10,0	9,0		9,0	4,0	6,1	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10		20	60		
41	B12DCCN099	Suliseng Noraseng	D12HTTT2	5,0	5,0		5,0	6,0	5,6	
42	B12DCCN100	Thilaphone Phimmany	D12HTTT2	5,0	5,0		5,0	6,0	5,6	
43	B12DCCN338	Nguyễn Xuân Phương	D12HTTT1	8,0	1,0		1,0	4,0	3,5	
44	B12DCCN339	Bùi Hồng Quân	D12HTTT1	10,0	4,0		4,0	4,0	4,6	
45	B12DCCN083	Nguyễn Thị Quỳnh	D12HTTT2	10,0	8,0		8,0	4,0	5,8	
46	B12DCCN341	Mai Thị Sao	D12HTTT1	9,0	4,0		4,0	4,0	4,5	
47	B12DCCN342	Phạm Quang Sơn	D12HTTT1	10,0	7,0		7,0	4,0	5,5	
48	B12DCCN084	Trần Thị Thắm	D12HTTT2	10,0	10,0		10,0	4,0	6,4	
49	B12DCCN404	Nguyễn Văn Thành	D12HTTT2	7,0	2,0		2,0	5,0	4,3	
50	B12DCCN347	Ngô Văn Thịnh	D12HTTT1	10,0	7,0		7,0	4,0	5,5	
51	B12DCCN349	Trần Văn Thông	D12HTTT2	10,0	4,0		4,0	4,0	4,6	
52	B12DCCN088	Nguyễn Thị Tĩnh	D12HTTT1	10,0	3,0		3,0	5,0	4,9	
53	B12DCCN142	Trần Sỹ Trường	D12HTTT1	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
54	B12DCCN046	Văn Tiến Tú	D12HTTT2	1,0	2,0		2,0	4,0	3,1	
55	B12DCCN256	Đặng Anh Tuấn	D12HTTT2	7,0	4,0		4,0	0,0	1,9	
56	B12DCCN411	Lê Mạnh Tuấn	D12HTTT2	10,0	9,0		9,0	6,0	7,3	
57	B12DCCN354	Phùng Văn Tuấn	D12HTTT1	10,0	4,0		4,0	4,0	4,6	
58	B12DCCN358	Nguyễn Trọng Việt	D12HTTT2	7,0	3,0		3,0	0,0	1,6	
59	B112104350	Đinh Văn Bảo	D11HTTT2	8,0	1,0		1,0	0,0	1,1	
60	B13LDCN004	Trần Hữu Đạt	L13HTTT	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
61	B112104357	Vũ Đức Đông	D11HTTT3	10,0	3,0		3,0	5,0	5,0	
62	B112104114	Đào Văn Hải	D11HTTT2	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
63	1021040400	Lê Trọng Thạo	D11HTTT2	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
64	B112104446	ĐINH HUY TUẤN	D11HTTT3	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	Không đủ ĐKDT
65	0921040263	Lưu Mạnh Tuyên	D11HTTT3	9,0	3,0		3,0	5,0	5,0	

Ghi chú:

- Số SV theo DS: 65 SV
 - Số SV thi đạt: 47 SV
 - Số SV thi không đạt: 17 SV
 - Số SV thi lại: 1 SV

- Số SV dự thi: 56 SV
 - Số SV vắng thi: 0 SV
 - Số SV vắng thi có phép: 0 SV

CÁN BỘ KHÓP PHÁCH

SỐ 1

SỐ 2

Phạm Anh Tuấn

Nguyễn Hoa Cương

Hà Nội, ngày 7 tháng 6 năm 2016

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Nguyễn Xuân Trường

